

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21/01/2021

V/v “*Kiến ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thế Xương;

2. Bà Đinh Thị Út;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Dần – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 170/2020/TLST - HNGĐ ngày 26/11/2020 về việc kiện “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn anh Phan Văn K- sinh năm 1978.

Địa chỉ: Căn hộ A, tầng AKhu đô thị T, C, T, H. Có mặt.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ A, thị trấn P, huyện, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phan Văn K trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau ngày 11/3/2019 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn anh chị không tìm hiểu kỹ về nhau nên khi về chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân được một năm nay, từ đó không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, anh K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh K xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của chị Nguyễn Thị T trình bày: Về thời gian, địa điểm kết hôn như anh K trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, từ đó vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay anh K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị T hoàn toàn nhất trí.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T không đến Tòa án để tham gia phiên tòa kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phan Văn K vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình. Bị đơn chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh Phan Văn K và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 11/3/2019 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện B trên cơ sở tự nguyện. Do vậy hôn nhân giữa anh K và chị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn đã được gia đình bạn bè hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Anh Phan Văn K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Tại bản tự khai và tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, chị T có quan điểm nhất trí ly hôn với anh K. Như vậy cuộc sống vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Văn K là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Phan Văn K phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phan Văn K và chị Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Anh Phan Văn K phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001937 ngày 26/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, anh K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- Các đương sự (2);
- THADS huyện Bảo Yên;
- UBND thị trấn P;
- Lưu HS; Lưu TA;

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Anh

